

CÔNG TY TNHH UNI PRESIDENT VIỆT NAM



**KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG
ĐỊNH KỲ QUÝ 3 NĂM 2025
CÔNG TY TNHH UNI PRESIDENT
VIỆT NAM**

*Địa chỉ: 16-18-20 ĐT743, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.*

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO TÓM TẮT KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG
QUÝ 3 – NĂM 2025

Kết quả quan trắc môi trường Quý 3 năm 2025 của Công ty TNHH Uni President Việt Nam do Công ty Cổ phần Envilab Việt Nam (Vimcerts 334) thực hiện tại 16-18-20 ĐT743, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam trong khoảng thời gian từ ngày 19/08/2025 đến ngày 28/08/2025; từ ngày 26/08/2025 đến ngày 13/09/2025; từ ngày 11/09/2025 đến ngày 24/09/2025; từ ngày 15/09/2025 đến ngày 06/10/2025 (có sử dụng kết quả thầu phụ của Vimcerts 304 và Vimcerts 066).

Báo cáo tóm tắt kết quả quan trắc môi trường Quý 3 năm 2025 của Công ty TNHH Uni President Việt Nam do Công ty Cổ Phần Tư Vấn Môi Trường Sài Gòn thực hiện. Báo cáo này được lưu tại Công ty nhằm giúp chủ đầu tư nắm bắt tình hình hoạt động và hiệu quả của các công trình bảo vệ môi trường tại Công ty trong kỳ báo cáo Quý 3/2025 và để kịp thời đưa ra các biện pháp quản lý, xử lý các nguồn gây ô nhiễm trong quý tiếp theo đảm bảo luôn đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn của pháp luật hiện hành.

Căn cứ theo Điều 66 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 10/01/2022 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Quyết định 3323/QĐ-BTNMT ngày 01/12/2022 về việc đính chính Thông tư 02/2022/TT-BTNMT. Chủ đầu tư sẽ phối hợp với Đơn vị tư vấn lập Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm (Kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025) theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này và gửi tới các cơ quan quản lý trước ngày 15 tháng 01 năm 2026.

Nội dung Báo cáo tóm tắt kết quả quan trắc môi trường Quý 3 năm 2025:

Thông tin lấy mẫu:

- Vị trí lấy mẫu:

+ Khí thải: Khí thải tại tháp khử mùi máy nghiền trộn thủy sản + máy nghiền trộn gia súc + hút bụi nhập liệu + hút bụi nghiền thô (X: 1205458; Y: 0608373); Khí thải tại tháp khử mùi máy nghiền tinh #1,#2,#5 (X: 1205462; Y: 0608384); Khí thải tại tháp khử mùi máy tạo hạt gia súc #1,#2,#5 (X: 1205560; Y: 0608285); Khí thải tại tháp khử mùi lầu 8 (máy tạo hạt # 3, # 4, # 8) (X: 1205560; Y: 0608285); Khí thải tại tháp khử mùi lầu 8 (máy cá 1) (X: 1205573; Y: 0608274); Khí thải tại tháp khử mùi lầu 4 (máy tạo hạt # 6, # 7) (X: 1205560; Y: 0608285); Khí thải tại tháp khử mùi lầu 4 (máy cá 2) (X: 1205566; Y: 0608280); Khí thải tại tháp khử mùi của máy nghiền tinh #3,#4,#6 (X: 1205477; Y: 0608255); Khí thải tại ống thoát khí chảo nấu dầu gia vị 1 (X: 1205271; Y: 0608530); Khí thải tại ống thoát khí chảo nấu dầu gia vị 2 (X: 1205270; Y: 0608534); Khí thải tại ống

thoát khí chảo chiên mì 1 (X: 1205318; Y: 0608418); Khí thải tại ống thoát khí chảo chiên mì 2 (X: 1205318; Y: 0608426); Khí thải tại ống thoát khí chảo chiên mì 3.

+ Không khí: Khu vực xưởng mì (X: 1205457; Y: 0608152); Khu vực xưởng bột mì (X: 1205498; Y: 0608214); Khu vực xưởng vi sinh (X: 1205595; Y: 0608177); Khu vực xưởng cám (X: 1205498; Y: 0608299); Khu vực cổng bảo vệ (cổng chính) cách cổng 7m (X: 1205322; Y: 0608319); Khu vực trước kho thành phẩm cám (X:1205640; Y:0608252); Khu vực trước nhà rác (X: 1205440; Y: 0608367).

+ Nước thải: Nước thải đầu ra tại trạm XLNT(X: 1205452; Y: 0608119).

- Ngày lấy mẫu: 19/08/2025; 20/08/2025; 26/08/2025; 27/08/2025; 11/09/2025; 15/09/2025.

- Kết quả quan trắc cho thấy:

+ Nước thải:

Chỉ tiêu pH, nhiệt độ, Nồng độ TSS, BOD₅, COD, Amoni, Clo dư, Tổng Nitơ, Tổng Phospho, Sunfua, Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform trong Nước thải đầu ra tại trạm XLNT đều nằm trong giới hạn cho phép của Tiêu chuẩn đầu nổi Khu công nghiệp Sóng Thần 2.

+ Vi khí hậu và tiếng ồn:

Các thông số nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió tại Khu vực xưởng mì (X: 1205457; Y: 0608152); Khu vực xưởng bột mì (X: 1205498; Y: 0608214); Khu vực xưởng vi sinh (X: 1205595; Y: 0608177); Khu vực xưởng cám (X: 1205498; Y: 0608299) đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;

Thông số tiếng ồn tại Khu vực xưởng mì (X: 1205457; Y: 0608152); Khu vực xưởng bột mì (X: 1205498; Y: 0608214); Khu vực xưởng vi sinh (X: 1205595; Y: 0608177); Khu vực xưởng cám (X: 1205498; Y: 0608299) đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

Thông số tiếng ồn tại Khu vực cổng bảo vệ (cổng chính) cách cổng 7m (X: 1205322; Y: 0608319); Khu vực trước kho thành phẩm cám (X:1205640; Y:0608252); Khu vực trước nhà rác (X: 1205440; Y: 0608367) đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

+ Ánh sáng:

Thông số ánh sáng tại Khu vực xưởng mì (X: 1205457; Y: 0608152); Khu vực xưởng bột mì (X: 1205498; Y: 0608214); Khu vực xưởng vi sinh (X: 1205595; Y: 0608177); Khu vực xưởng cám (X: 1205498; Y: 0608299) đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 22:2016/BYT- Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chiếu sáng - Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc.

+ Không khí:

Nồng độ Bụi trong không khí tại Khu vực xưởng mì (X: 1205457; Y: 0608152); Khu vực xưởng bột mì (X: 1205498; Y: 0608214); Khu vực xưởng vi sinh (X: 1205595; Y: 0608177); Khu vực xưởng cám (X: 1205498; Y: 0608299) đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

Nồng độ NO₂, SO₂, CO, NH₃ trong không khí tại Khu vực xưởng mì (X: 1205457; Y: 0608152); Khu vực xưởng bột mì (X: 1205498; Y: 0608214); Khu vực xưởng vi sinh (X: 1205595; Y: 0608177) đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc - Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL).

Nồng độ NO₂, SO₂, CO, H₂S, NH₃ trong không khí tại Khu vực xưởng cám (X: 1205498; Y: 0608299) đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc - Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL).

Nồng độ Metyl mercaptan trong không khí tại Khu vực xưởng cám (X: 1205498; Y: 0608299) nằm trong giới hạn cho phép của QĐ 3733/2002/QĐ-BYT - Tiêu chuẩn vệ sinh lao động - Giới hạn cho phép trong không khí vùng làm việc.

Nồng độ Bụi, NO₂, SO₂, CO, H₂S, Metyl mercaptan (CH₃SH) trong không khí tại Khu vực cổng bảo vệ (cổng chính) cách cổng 7m (X: 1205322; Y: 0608319); Khu vực trước kho thành phẩm cám (X: 1205640; Y: 0608252); Khu vực trước nhà rác (X: 1205440; Y: 0608367) đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí.

+ Khí thải:

Nồng độ SO₂, NO_x, CO, Bụi, H₂S, NH₃ trong Khí thải tại tháp khử mùi máy nghiền trộn thủy sản + máy nghiền trộn gia súc + hút bụi nhập liệu + hút bụi nghiền thô (X: 1205458; Y: 0608373); Khí thải tại tháp khử mùi máy nghiền tinh #1, #2, #5 (X: 1205462; Y: 0608384); Khí thải tại tháp khử mùi máy tạo hạt gia súc #1, #2, #5 (X: 1205560; Y: 0608285); Khí thải tại tháp khử mùi lầu 4 (máy tạo hạt # 6, # 7) (X: 1205560; Y: 0608285); Khí thải tại tháp khử mùi lầu 8 (máy tạo hạt # 3, # 4, # 8) (X: 1205560; Y: 0608285); Khí thải tại tháp khử mùi lầu 4 (máy cá 2) (X: 1205566; Y: 0608280); Khí thải tại tháp khử mùi của máy nghiền tinh #3, #4, #6 (X: 1205477; Y: 0608255); Khí thải tại tháp khử mùi lầu 8 (máy cá 1) (X: 1205573; Y: 0608274) đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Nồng độ Hydrocacbon, Metyl mercaptan (CH₃SH), Anilin trong Khí thải tại tháp khử mùi máy nghiền trộn thủy sản + máy nghiền trộn gia súc + hút bụi nhập liệu + hút bụi

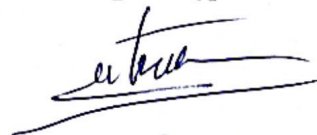
nghiên thô (X: 1205458; Y: 0608373); Khí thải tại tháp khử mùi máy nghiền tinh #1,#2,#5 (X: 1205462; Y: 0608384); Khí thải tại tháp khử mùi máy tạo hạt gia súc #1,#2,#5 (X: 1205560; Y: 0608285); Khí thải tại tháp khử mùi lầu 8 (máy tạo hạt # 3, # 4, # 8) (X: 1205560; Y: 0608285); Khí thải tại tháp khử mùi lầu 8 (máy cá 1) (X: 1205573; Y: 0608274); Khí thải tại tháp khử mùi lầu 4 (máy tạo hạt # 6, # 7) (X: 1205560; Y: 0608285); Khí thải tại tháp khử mùi lầu 4 (máy cá 2) (X: 1205566; Y: 0608280); Khí thải tại tháp khử mùi của máy nghiền tinh #3,#4,#6 (X: 1205477; Y: 0608255) đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

Nồng độ Acrolein trong Khí thải tại ống thoát khí chảo nấu dầu gia vị 1 (X: 1205271; Y: 0608530); Khí thải tại ống thoát khí chảo nấu dầu gia vị 2 (X: 1205270; Y: 0608534); Khí thải tại ống thoát khí chảo chiên mì 1 (X: 1205318; Y: 0608418); Khí thải tại ống thoát khí chảo chiên mì 2 (X: 1205318; Y: 0608426); Khí thải tại ống thoát khí chảo chiên mì 3 đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

(Kết quả quan trắc môi trường chi tiết được đính kèm)

Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục vận hành các công trình bảo vệ môi trường trong suốt quá trình hoạt động để đảm bảo chất thải được xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường xung quanh. Công ty sẽ thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng để kịp thời phát hiện, khắc phục các sự cố trong quá trình vận hành nếu có.

Người lập



Vũ Thị Út Minh

Số phiếu: 426/08/2025/KQ-190825/02

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN
2. Đơn vị được quan trắc : CÔNG TY TNHH UNI PRESIDENT VIỆT NAM
3. Địa chỉ lấy mẫu : Số 16-18-20, Đường ĐT 743, KCN Sóng Thần 2, P. Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
4. Ngày lấy mẫu : 19/08/2025
5. Ngày trả kết quả : 27/08/2025
6. Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã mẫu	Vị trí lấy mẫu, tọa độ	Loại mẫu
1	190825/02-K1	Khu vực xưởng cám (X: 1205498; Y: 0608299)	Không khí
2	190825/02-K2	Khu vực trước kho thành phẩm cám (X: 1205640; Y: 0608252)	Không khí
3	190825/02-K3	Khu vực cổng bảo vệ (cổng chính) cách cổng 7m (X: 1205322; Y: 0608319)	Không khí
4	190825/02-K4	Khu vực trước nhà rác (X: 1205440; Y: 0608367)	Không khí
5	190825/02-KT1	Khí thải tại tháp khử mùi máy nghiền trộn thủy sản + máy nghiền trộn gia súc + hút bụi nhập liệu+ hút bụi nghiền thô (X: 1205458; Y: 0608373)	Khí thải
6	190825/02-KT2	Khí thải tại tháp khử mùi máy nghiền tinh #1,#2,#5 (X: 1205462; Y: 0608384)	Khí thải

1. Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
2. Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ: lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả.
Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
4. Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/01

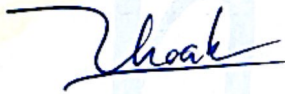
Số phiếu: 426/08/2025/KQ-190825/02

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2025

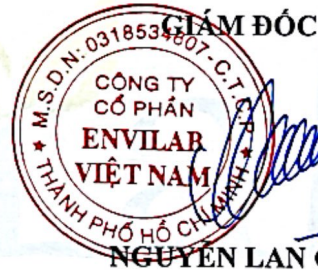
STT	Mã mẫu	Vị trí lấy mẫu, tọa độ	Loại mẫu
7	190825/02-KT3	Khí thải tại tháp khử mùi lần 8 (máy cá 1) (X: 1205573; Y: 0608274)	Khí thải
8	190825/02-KT4	Khí thải tại tháp khử mùi máy tạo hạt gia súc #1,#2,#5 (X: 1205560; Y: 0608285)	Khí thải
9	190825/02-NT	Nước thải đầu ra tại trạm XLNT (X: 1205452; Y: 0608119)	Nước thải

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM



ThS. LÊ ĐỨC HÒA

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN LAN CHI

- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/01

Số phiếu: 426/08/2025/KQ-190825/02-K

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 190825/02-K1)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 26:2016/ BYT	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019/ BYT
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT(*)	30,8	18 - 32	-	-
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2022/BTNMT(*)	70,5	40 - 80	-	-
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT(*)	0,8	0,2 – 1,5	-	-
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995(*)	304	-	8.000	-
5	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009(*)	126	-	-	10.000
6	SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995(*)	142	-	-	10.000
7	CO	µg/Nm ³	HD40-PT-KHICO(*)	<12.297	-	-	40.000
8	NH ₃	µg/Nm ³	TCVN 5293:1995(*)	55	-	-	25.000
9	H ₂ S	µg/Nm ³	MASA Method 701(*)	KPH (MDL=13)	-	-	15.000

Ghi chú:

- (*): Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc - Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL);
- 190825/02-K1: Khu vực xưởng cày (X: 1205498; Y: 0608299).

- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP EnviLab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP EnviLab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP EnviLab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/01

Số phiếu: 426/08/2025/KQ-190825/02-K

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 190825/02-K2; 190825/02-K3; 190825/02-K4)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ			QCVN 05:2023/ BTNMT, (Trung bình 1 giờ)
				190825/ 02-K2	190825/ 02-K3	190825/ 02-K4	
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT(*)	31,2	34,8	33,1	-
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2022/BTNMT(*)	66,5	57,7	57,8	-
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT(*)	0,6	1,2	1,2	-
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995(*)	112	96	117	300
5	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009(*)	58	47	49	200
6	SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995(*)	< 105	< 105	< 105	350
7	CO	µg/Nm ³	HD40-PT-KHICO(*)	< 12.297	< 12.297	< 12.297	30.000
8	H ₂ S	µg/Nm ³	MASA Method 701(*)	KPH (MDL=13)	KPH (MDL=13)	KPH (MDL=13)	42

Ghi chú:

- (*): Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí;
- Trung bình 1 giờ: Trung bình một giờ là giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ;
- 190825/02-K2: Khu vực trước kho thành phẩm cám (X: 1205640; Y: 0608252);
- 190825/02-K3: Khu vực cổng bảo vệ (cổng chính) cách cổng 7m (X: 1205322; Y: 0608319);
- 190825/02-K4: Khu vực trước nhà rác (X: 1205440; Y: 0608367).

- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/01

Số phiếu: 426/08/2025/KQ-190825/02-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 190825/02-KT1, 190825/02-KT2)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 19:2009/ BTNMT, Cột B
				190825/02 -KT1	190825/02 -KT2	
1	Bụi	mg/Nm ³	US EPA Method 5 ^(*)	17,2	25,1	200
2	H ₂ S	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010 ^(*)	KPH (MDL=0,45)	KPH (MDL=0,45)	7,5
3	NH ₃	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020 ^(*)	KPH (MDL=5,60)	KPH (MDL=5,60)	50
4	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2 ^(*)	15.572	29.812	-
5	Nhiệt độ	°C	HD04-DD-TESTO-KT ^(*)	36	39	-
6	SO ₂	mg/Nm ³	HD04-DD-TESTO-KT ^(*)	KPH (MDL=13,1)	KPH (MDL=13,1)	500
7	NO _x	mg/Nm ³	HD04-DD-TESTO-KT ^(*)	KPH (MDL=11,86)	KPH (MDL=11,86)	850
8	CO	mg/Nm ³	HD04-DD-TESTO-KT ^(*)	KPH (MDL=11,4)	KPH (MDL=11,4)	1.000

Ghi chú:

- ^(*): Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- 190825/02-KT1: Khí thải tại tháp khử mùi máy nghiền trộn thủy sản + máy nghiền trộn gia súc + hút bụi nhập liệu + hút bụi nghiền thô (X: 1205458; Y: 0608373);
- 190825/02-KT2: Khí thải tại tháp khử mùi máy nghiền tinh #1, #2, #5 (X: 1205462; Y: 0608384).

- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ: lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/01

Số phiếu: 426/08/2025/KQ-190825/02-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 190825/02-KT3, 190825/02-KT4)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 19:2009/ BTNMT, Cột B
				190825/02 -KT3	190825/02 -KT4	
1	Bụi	mg/Nm ³	US EPA Method 5 ^(*)	19,7	24,5	200
2	H ₂ S	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010 ^(*)	KPH (MDL=0,45)	KPH (MDL=0,45)	7,5
3	NH ₃	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020 ^(*)	KPH (MDL=5,60)	KPH (MDL=5,60)	50
4	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2 ^(*)	24.225	28.663	-
5	Nhiệt độ	°C	HD04-DD-TESTO-KT ^(*)	46	44	-
6	SO ₂	mg/Nm ³	HD04-DD-TESTO-KT ^(*)	KPH (MDL=13,1)	KPH (MDL=13,1)	500
7	NO _x	mg/Nm ³	HD04-DD-TESTO-KT ^(*)	KPH (MDL=11,86)	KPH (MDL=11,86)	850
8	CO	mg/Nm ³	HD04-DD-TESTO-KT ^(*)	KPH (MDL=11,4)	KPH (MDL=11,4)	1.000

Ghi chú:

- (*): Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- 190825/02-KT3: Khí thải tại tháp khử mùi lần 8 (máy cá 1) (X: 1205573; Y: 0608274);
- 190825/02-KT4: Khí thải tại tháp khử mùi máy tạo hạt gia súc #1, #2, #5 (X: 1205560; Y: 0608285).

- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/01

Số phiếu: 426/08/2025/KQ-190825/02-NT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 190825/02-NT)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	TIÊU CHUẨN ĐẦU NỐI KCN SÓNG THẦN 2
1	pH	-	TCVN 6492:2011 ^(*)	7,4	5,5 - 9
2	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023 ^(*)	35,3	40
3	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000 ^(*)	27	100
4	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021 ^(*)	18,1	50
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023 ^(*)	50,2	150
6	Amoni (NH ₄ ⁺ _N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023 ^(*)	2,41	10
7	Clo dư (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6225-3:2011 ^(*)	1,33	2
8	Tổng Nito	mg/L	TCVN 6638:2000 ^(*)	17,6	40
9	Tổng Phospho	mg/L	SMEWW 4500-P.B&D:2023 ^(*)	3,12	6
10	Sunfua	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,041)	0,5
11	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520 B&F:2023 ^(*)	< 3,3	10
12	Tổng Coliform	MPN /100mL	SMEWW 9221B:2023 ^(*)	2,1 x 10 ¹	5.000

Ghi chú:

- ^(*): Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- TCDN KCN SÓNG THẦN 2: Tiêu chuẩn đầu nối Khu công nghiệp Sóng Thần 2;
- 190825/02-NT: Nước thải đầu ra tại trạm XLNT (X: 1205452; Y: 0608119).

- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP EnviLab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP EnviLab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP EnviLab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/01

Số phiếu: 428/08/2025/KQ-200825/02

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN
2. Đơn vị được quan trắc : CÔNG TY TNHH UNI PRESIDENT VIỆT NAM
3. Địa chỉ lấy mẫu : Số 16-18-20, Đường ĐT 743, KCN Sóng Thần 2, P. Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
4. Ngày lấy mẫu : 20/08/2025
5. Ngày trả kết quả : 28/08/2025
6. Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã mẫu	Vị trí lấy mẫu, tọa độ	Loại mẫu
1	200825/02-K1	Khu vực xưởng mì (X: 1205457; Y: 0608152)	Không khí
2	200825/02-K2	Khu vực xưởng bột mì (X: 1205498; Y: 0608214)	Không khí
3	200825/02-K3	Khu vực xưởng vi sinh (X: 1205595; Y: 0608177)	Không khí
4	200825/02-KT1	Khí thải tại tháp khử mùi lần 8 (máy tạo hạt # 3, # 4, # 8) (X: 1205560; Y: 0608285)	Khí thải
5	200825/02-KT2	Khí thải tại tháp khử mùi của máy nghiền tinh #3,#4,#6 (X: 1205477; Y: 0608255)	Khí thải
6	200825/02-KT3	Khí thải tại tháp khử mùi lần 4 (máy cá 2) (X: 1205566; Y: 0608280)	Khí thải

1. Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
2. Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả.
Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
4. Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/01

Số phiếu: 428/08/2025/KQ-200825/02

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2025

STT	Mã mẫu	Vị trí lấy mẫu, tọa độ	Loại mẫu
7	200825/02-KT4	Khí thải tại tháp khử mùi lần 4 (máy tạo hạt # 6, # 7) (X: 1205560; Y: 0608285)	Khí thải

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM



ThS. LÊ ĐỨC HÒA

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN LAN CHI

- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/01

Số phiếu: 428/08/2025/KQ-200825/02-K

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 200825/02-K1; 200825/02-K2)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 26:2016/ BYT	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019/ BYT
				200825/ 02-K1	200825/ 02-K2			
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT(*)	29,5	30,1	18 - 32	-	-
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2022/BTNMT(*)	65,2	62,7	40 - 80	-	-
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT(*)	0,8	0,6	0,2 – 1,5	-	-
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995(*)	252	317	-	8.000	-
5	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009(*)	116	147	-	-	10.000
6	SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995(*)	131	166	-	-	10.000
7	CO	µg/Nm ³	HD40-PT-KHICO (*)	<12.297	<12.297	-	-	40.000
8	NH ₃	µg/Nm ³	TCVN 5293:1995(*)	47	50	-	-	25.000

Ghi chú:

- (*): Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc - Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL);
- 200825/02-K1: Khu vực xưởng mì (X: 1205457; Y: 0608152);
- 200825/02-K2: Khu vực xưởng bột mì (X: 1205498; Y: 0608214).

- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP EnviLab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ: lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP EnviLab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP EnviLab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/01

Số phiếu: 428/08/2025/KQ-200825/02-K

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 200825/02-K3)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 26:2016/ BYT	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019/ BYT
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT(*)	28,5	18 - 32	-	-
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2022/BTNMT(*)	73,2	40 - 80	-	-
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT(*)	0,4	0,2 – 1,5	-	-
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995(*)	204	-	8.000	-
5	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009(*)	142	-	-	10.000
6	SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995(*)	148	-	-	10.000
7	CO	µg/Nm ³	HD40-PT-KHICO(*)	<12.297	-	-	40.000
8	NH ₃	µg/Nm ³	TCVN 5293:1995(*)	82	-	-	25.000

Ghi chú:

- (*): Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc - Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL);
- 200825/02-K3: Khu vực xưởng vi sinh (X: 1205595; Y: 0608177).

- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP EnviLab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ: lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP EnviLab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP EnviLab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/01

Số phiếu: 428/08/2025/KQ-200825/02-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 200825/02-KT1, 200825/02-KT2)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 19:2009/ BTNMT, Cột B
				200825/02 -KT1	200825/02 -KT2	
1	Bụi	mg/Nm ³	US EPA Method 5 ^(*)	24,6	26,2	200
2	H ₂ S	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010 ^(*)	KPH (MDL=0,45)	KPH (MDL=0,45)	7,5
3	NH ₃	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020 ^(*)	KPH (MDL=5,60)	KPH (MDL=5,60)	50
4	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2 ^(*)	29.775	27.948	-
5	Nhiệt độ	°C	HD04-DD-TESTO-KT ^(*)	39	43	-
6	SO ₂	mg/Nm ³	HD04-DD-TESTO-KT ^(*)	KPH (MDL=13,1)	KPH (MDL=13,1)	500
7	NO _x	mg/Nm ³	HD04-DD-TESTO-KT ^(*)	KPH (MDL=11,86)	KPH (MDL=11,86)	850
8	CO	mg/Nm ³	HD04-DD-TESTO-KT ^(*)	KPH (MDL=11,4)	KPH (MDL=11,4)	1.000

Ghi chú:

- ^(*): Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- 200825/02-KT1: Khí thải tại tháp khử mùi lần 8 (máy tạo hạt # 3, # 4, # 8) (X: 1205560; Y: 0608285);
- 200825/02-KT2: Khí thải tại tháp khử mùi của máy nghiền tinh #3, #4, #6 (X: 1205477; Y: 0608255).

- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP EnviLab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP EnviLab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP EnviLab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/01

Số phiếu: 428/08/2025/KQ-200825/02-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 200825/02-KT3, 200825/02-KT4)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 19:2009/ BTNMT, Cột B
				200825/02 -KT3	200825/02 -KT4	
1	Bụi	mg/Nm ³	US EPA Method 5 ^(*)	24,1	20,5	200
2	H ₂ S	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010 ^(*)	KPH (MDL=0,45)	KPH (MDL=0,45)	7,5
3	NH ₃	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020 ^(*)	KPH (MDL=5,60)	KPH (MDL=5,60)	50
4	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2 ^(*)	30.825	15.356	-
5	Nhiệt độ	°C	HD04-DD-TESTO-KT ^(*)	48	47	-
6	SO ₂	mg/Nm ³	HD04-DD-TESTO-KT ^(*)	KPH (MDL=13,1)	KPH (MDL=13,1)	500
7	NO _x	mg/Nm ³	HD04-DD-TESTO-KT ^(*)	KPH (MDL=11,86)	KPH (MDL=11,86)	850
8	CO	mg/Nm ³	HD04-DD-TESTO-KT ^(*)	KPH (MDL=11,4)	KPH (MDL=11,4)	1.000

Ghi chú:

- (^{*}): Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- 200825/02-KT3: Khí thải tại tháp khử mùi lần 4 (máy cá 2) (X: 1205566; Y: 0608280);
- 200825/02-KT4: Khí thải tại tháp khử mùi lần 4 (máy tạo hạt # 6, # 7) (X: 1205560; Y: 0608285).

- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/01

Số phiếu: 480/09/2025/KQ-260825/03

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 09 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN
2. Đơn vị được quan trắc : CÔNG TY TNHH UNI PRESIDENT VIỆT NAM
3. Địa chỉ lấy mẫu : Số 16-18-20, Đường ĐT 743, KCN Sóng Thần 2, P. Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
4. Ngày lấy mẫu : 26/08/2025
5. Ngày trả kết quả : 13/09/2025
6. Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã mẫu	Vị trí lấy mẫu, tọa độ	Loại mẫu
1	260825/03-K1	Khu vực cổng bảo vệ (cổng chính) cách cổng 7m (X: 1205322; Y: 0608319)	Không khí
2	260825/03-K2	Khu vực trước kho thành phẩm cám (X:1205640; Y:0608252)	Không khí
3	260825/03-KT1	Khí thải tại tháp khử mùi máy nghiền tinh #1,#2,#5 (X: 1205462; Y: 0608384)	Khí thải
4	260825/03-KT2	Khí thải tại tháp khử mùi máy nghiền trộn thủy sản + máy nghiền trộn gia súc + hút bụi nhập liệu+ hút bụi nghiền thô (X: 1205458; Y: 0608373)	Khí thải
5	260825/03-KT3	Khí thải tại tháp khử mùi lầu 8 (máy tạo hạt # 3, # 4, # 8) (X: 1205560; Y: 0608285)	Khí thải
6	260825/03-KT4	Khí thải tại tháp khử mùi lầu 8 (máy cá 1) (X: 1205573; Y: 0608274)	Khí thải

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM



ThS. LÊ ĐỨC HÒA



ThS. LƯƠNG THỊ BÍCH PHƯƠNG

1. Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
2. Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả.
Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
4. Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/01

Số phiếu: 480/09/2025/KQ-260825/03-K

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 09 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 260825/03-K1; 260825/03-K2)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ ^(a)	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 05:2023/BTNMT, (Trung bình 1 giờ)
				260825/03-K1	260825/03-K2	
1	CH ₃ SH	µg/Nm ³	NIOSH Method 2542 ^(**)	KPH (MDL=4)	KPH (MDL=4)	50

Ghi chú:

- (**): Sử dụng kết quả thầu phụ của Vimcerts 066;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí;
- Trung bình 1 giờ: Trung bình một giờ là giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ;
- (a): Đơn vị µg/m³ tương đương đơn vị µg/Nm³, mg/m³ tương đương đơn vị mg/Nm³;
- 260825/03-K1: Khu vực cổng bảo vệ (cổng chính) cách cổng 7m (X: 1205322; Y: 0608319);
- 260825/03-K2: Khu vực trước kho thành phẩm cám (X:1205640; Y:0608252).

- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/01

1853
CÔNG
CÓP
ENVILAB
VIỆT
NAM
PHỐ

Số phiếu: 480/09/2025/KQ-260825/03-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 09 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 260825/03-KT1, 260825/03-KT2)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 20:2009/ BTNMT
				260825/03 -KT1	260825/03 -KT2	
1	CH ₃ SH	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014(**)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	15

Ghi chú:

- (**): Sử dụng kết quả thầu phụ của Vimcerts 066;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- 260825/03-KT1: Khí thải tại tháp khử mùi máy nghiền tinh #1, #2, #5 (X: 1205462; Y: 0608384);
- 260825/03-KT2: Khí thải tại tháp khử mùi máy nghiền trộn thủy sản + máy nghiền trộn gia súc + hút bụi nhập liệu + hút bụi nghiền thô (X: 1205458; Y: 0608373).

- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP EnviLab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP EnviLab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP EnviLab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/01

Số phiếu: 480/09/2025/KQ-260825/03-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 09 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 260825/03-KT3, 260825/03-KT4)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 20:2009/ BTNMT
				260825/03 -KT3	260825/03 -KT4	
1	CH ₃ SH	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014(**)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	15

Ghi chú:

- (**): Sử dụng kết quả thử phụ của Vimcerts 066;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- 260825/03-KT3: Khí thải tại tháp khử mùi lần 8 (máy tạo hạt # 3, # 4, # 8) (X: 1205560; Y: 0608285);
- 260825/03-KT4: Khí thải tại tháp khử mùi lần 8 (máy cá 1) (X: 1205573; Y: 0608274).

CP
H.

- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/01

Số phiếu: 481/09/2025/KQ-270825/03

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 09 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN
2. Đơn vị được quan trắc : CÔNG TY TNHH UNI PRESIDENT VIỆT NAM
3. Địa chỉ lấy mẫu : Số 16-18-20, Đường ĐT 743, KCN Sóng Thần 2, P. Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
4. Ngày lấy mẫu : 27/08/2025
5. Ngày trả kết quả : 13/09/2025
6. Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã mẫu	Vị trí lấy mẫu, tọa độ	Loại mẫu
1	270825/03-K1	Khu vực trước nhà rác (X: 1205440; Y: 0608367)	Không khí
2	270825/03-K2	Khu vực xưởng cám (X: 1205498; Y: 0608299)	Không khí
3	270825/03-KT1	Khí thải tại tháp khử mùi máy tạo hạt gia súc #1,#2,#5 (X: 1205560; Y: 0608285)	Khí thải
4	270825/03-KT2	Khí thải tại tháp khử mùi lầu 4 (máy cá 2) (X: 1205566; Y: 0608280)	Khí thải
5	270825/03-KT3	Khí thải tại tháp khử mùi lầu 4 (máy tạo hạt # 6, # 7) (X: 1205560; Y: 0608285)	Khí thải

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM


ThS. LÊ ĐỨC HÒA



QU. GIÁM ĐỐC
PH. GIÁM ĐỐC

ThS. LƯƠNG THỊ BÍCH PHƯƠNG

1. Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
2. Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả.
Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
4. Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/01

Số phiếu: 481/09/2025/KQ-270825/03-K

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 09 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 270825/03-K1)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ ^(a)	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2023/BTNMT, (Trung bình 1 giờ)
1	CH ₃ SH	µg/Nm ³	NIOSH Method 2542(**)	KPH (MDL=4)	50

Ghi chú:

- (**): Sử dụng kết quả thầu phụ của Vimcerts 066;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí;
- Trung bình 1 giờ: Trung bình một giờ là giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ;
- (a): Đơn vị µg/m³ tương đương đơn vị µg/Nm³, mg/m³ tương đương đơn vị mg/Nm³;
- 270825/03-K1: Khu vực trước nhà rác (X: 1205440; Y: 0608367).

- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/01

853
CÔNG
CỐ PH
NVI
ỆT I
HỚ T

Số phiếu: 481/09/2025/KQ-270825/03-K

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 09 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 270825/03-K2)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ ^(a)	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	Quyết định 3733/2002/ QĐ-BYT
1	CH ₃ SH	µg/Nm ³	NIOSH Method 2542(**)	KPH (MDL=4)	2.000

Ghi chú:

- (**): Sử dụng kết quả thầu phụ của Vimcerts 066;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- Quyết định 3733/2002/QĐ - BYT: Quyết định của Bộ Y tế về 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động;
- (a): Đơn vị µg/m³ tương đương đơn vị µg/Nm³, mg/m³ tương đương đơn vị mg/Nm³;
- 270825/03-K2: Khu vực xưởng cưa (X: 1205498; Y: 0608299).

- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP EnviLab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP EnviLab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP EnviLab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/01

Số phiếu: 481/09/2025/KQ-270825/03-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 09 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 270825/03-KT1, 270825/03-KT2, 270825/03-KT3)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ			QCVN 20:2009/ BTNMT
				270825/03 -KT1	270825/03 -KT2	270825/03 -KT3	
1	CH ₃ SH	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014(**)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	15

Ghi chú:

- (**): Sử dụng kết quả thử phụ của Vimcerts 066;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- 270825/03-KT1: Khí thải tại tháp khử mùi máy tạo hạt gia súc #1, #2, #5 (X: 1205560; Y: 0608285);
- 270825/03-KT2: Khí thải tại tháp khử mùi lầu 4 (máy cá 2) (X: 1205566; Y: 0608280);
- 270825/03-KT3: Khí thải tại tháp khử mùi lầu 4 (máy tạo hạt # 6, # 7) (X: 1205560; Y: 0608285).

CP
★
VN

- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/01

Số phiếu: 504/09/2025/KQ-110925/05

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 09 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN
2. Đơn vị được quan trắc : CÔNG TY TNHH UNI PRESIDENT VIỆT NAM
3. Địa chỉ lấy mẫu : Số 16-18-20, Đường ĐT 743, KCN Sóng Thần 2, P. Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
4. Ngày lấy mẫu : 11/09/2025
5. Ngày trả kết quả : 24/09/2025
6. Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã mẫu	Vị trí lấy mẫu, tọa độ	Loại mẫu
1	110925/05-K1	Khu vực cổng bảo vệ (cổng chính) cách cổng 7m (X: 1205322; Y: 0608319)	Không khí
2	110925/05-K2	Khu vực trước kho thành phẩm cám (X: 1205640; Y: 0608252)	Không khí
3	110925/05-K3	Khu vực trước nhà rác (X: 1205440; Y: 0608367)	Không khí
4	110925/05-K4	Khu vực xưởng mì (X: 1205457; Y: 0608152)	Không khí
5	110925/05-K5	Khu vực xưởng bột mì (X: 1205498; Y: 0608214)	Không khí
6	110925/05-K6	Khu vực xưởng vi sinh (X: 1205595; Y: 0608177)	Không khí
7	110925/05-K7	Khu vực xưởng cám (X: 1205498; Y: 0608299)	Không khí
8	110925/05-KT1	Khí thải tại tháp khử mùi lầu 8 (máy tạo hạt # 3, # 4, # 8) (X: 1205560; Y: 0608285)	Khí thải
9	110925/05-KT2	Khí thải tại tháp khử mùi lầu 8 (máy cá 1) (X: 1205573; Y: 0608274)	Khí thải
10	110925/05-KT3	Khí thải tại tháp khử mùi lầu 4 (máy tạo hạt # 6, # 7) (X: 1205560; Y: 0608285)	Khí thải

1. Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP EnviLab Việt Nam lấy mẫu.
2. Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả.
Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP EnviLab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
4. Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP EnviLab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/01

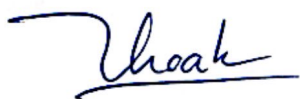
Số phiếu: 504/09/2025/KQ-110925/05

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 09 năm 2025

STT	Mã mẫu	Vị trí lấy mẫu, tọa độ	Loại mẫu
11	110925/05-KT4	Khí thải tại tháp khử mùi lần 4 (máy cá 2) (X: 1205566; Y: 0608280)	Khí thải
12	110925/05-KT5	Khí thải tại tháp khử mùi của máy nghiền tinh #3,#4,#6 (X:1205461 Y:0608453)	Khí thải
13	110925/05-KT6	Khí thải tại tháp khử mùi máy tạo hạt gia súc #1,#2,#5 (X:1205510 Y:0608453)	Khí thải
14	110925/05-KT7	Khí thải tại tháp khử mùi máy nghiền trộn thủy sản + máy nghiền trộn gia súc + hút bụi nhập liệu+ hút bụi nghiền thô (X:1205474 Y:0608446)	Khí thải
15	110925/05-KT8	Khí thải tại tháp khử mùi máy nghiền tinh #1,#2,#5 (X:1205474 Y:0608440)	Khí thải
16	110925/05-KT9	Khí thải tại ống thoát khí chảo nấu dầu gia vị 1 (X: 1205271; Y: 0608530)	Khí thải
17	110925/05-KT10	Khí thải tại ống thoát khí chảo nấu dầu gia vị 2 (X: 1205270; Y: 0608534)	Khí thải
18	110925/05-KT11	Khí thải tại ống thoát khí chảo chiên mì 1 (X: 1205318; Y: 0608418)	Khí thải
19	110925/05-KT12	Khí thải tại ống thoát khí chảo chiên mì 2 (X: 1205318; Y: 0608426)	Khí thải
20	110925/05-KT13	Khí thải tại ống thoát khí chảo chiên mì 3	Khí thải

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM



ThS. LÊ ĐỨC HÒA



TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
PHÓ GIÁM ĐỐC

ThS. LƯƠNG THỊ BÍCH PHƯƠNG

- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/01

Số phiếu: 504/09/2025/KQ-110925/05-K

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 09 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 110925/05-K1; 110925/05-K2; 110925/05-K3)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ			QCVN 26:2010/ BTNMT
				110925/05- K1	110925/05- K2	110925/05- K3	
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018(**)	57,3	53,7	52,8	70
2	Ánh sáng	Lux	TCVN 5176:1990(**)	ASTN	ASTN	ASTN	-

Ghi chú:

- (**): Sử dụng kết quả thầu phụ của Vimcerts 304;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn;
- 110925/05-K1: Khu vực cổng bảo vệ (cổng chính) cách cổng 7m (X: 1205322; Y: 0608319);
- 110925/05-K2: Khu vực trước kho thành phẩm cám (X: 1205640; Y: 0608252);
- 110925/05-K3: Khu vực trước nhà rác (X: 1205440; Y: 0608367).

- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/01

Số phiếu: 504/09/2025/KQ-110925/05-K

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 09 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 110925/05-K4; 110925/05-K5; 110925/05-K6)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ			QCVN 22:2016/ BYT	QCVN 24:2016/ BYT
				110925/05 -K4	110925/05 -K5	110925/05 -K6		
1	Ánh sáng	Lux	TCVN 5176:1990(**)	1.139	667	686	≥300	-
2	Tiếng ồn	dBA	TCVN 9799:2013 (ISO 9612:2009)(**)	66,7	74,1	57,4	-	85

Ghi chú:

- (**): Sử dụng kết quả thử phụ của Vimcerts 304;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chiếu sáng - mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc;
- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp;
- 110925/05-K4: Khu vực xưởng mì (X: 1205457; Y: 0608152);
- 110925/05-K5: Khu vực xưởng bột mì (X: 1205498; Y: 0608214);
- 110925/05-K6: Khu vực xưởng vi sinh (X: 1205595; Y: 0608177).

- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP EnviLab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP EnviLab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP EnviLab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/01

Số phiếu: 504/09/2025/KQ-110925/05-K

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 09 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 110925/05-K7)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 22:2016/ BYT	QCVN 24:2016/ BYT
1	Ánh sáng	Lux	TCVN 5176:1990(**)	1.448	≥300	-
2	Tiếng ồn	dBA	TCVN 9799:2013 (ISO 9612:2009)(**)	65,8	-	85

Ghi chú:

- (**): Sử dụng kết quả thầu phụ của Vimcerts 304;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chiếu sáng - mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc;
- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp;
- 110925/05-K7: Khu vực xưởng cưa (X: 1205498; Y: 0608299).

- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/01

Số phiếu: 504/09/2025/KQ-110925/05-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 09 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 110925/05-KT1, 110925/05-KT2, 110925/05-KT3)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ			QCVN 20:2009/ BTNMT
				110925/05 -KT1	110925/05 -KT2	110925/05 -KT3	
1	Anilin	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014(**)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	19
2	Hydrocacbon	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014(**)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	-
	Cyclohexan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	1.300
	Cyclohexen	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	1.350
	n-Decan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	-
	n-Dodecan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	-
	n-Heptan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	2.000
	n-Hexan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	450
	Metyl cyclohexan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	2.000
	n-Nonan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	-
	n-Octan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	-
	n-Pentan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	-
	n-Undecan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	-

Ghi chú:

- (**): Sử dụng kết quả mẫu phụ của Vimcerts 304;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- 110925/05-KT1: Khí thải tại tháp khử mùi lần 8 (máy tạo hạt # 3, # 4, # 8) (X: 1205560; Y: 0608285);
- 110925/05-KT2: Khí thải tại tháp khử mùi lần 8 (máy cá 1) (X: 1205573; Y: 0608274);
- 110925/05-KT3: Khí thải tại tháp khử mùi lần 4 (máy tạo hạt # 6, # 7) (X: 1205560; Y: 0608285).

- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP EnviLab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP EnviLab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP EnviLab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/01

Số phiếu: 504/09/2025/KQ-110925/05-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 09 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 110925/05-KT4, 110925/05-KT5, 110925/05-KT6)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ			QCVN 20:2009/ BTNMT
				110925/05 -KT4	110925/05 -KT5	110925/05 -KT6	
1	Anilin	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014(**)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	19
2	Hydrocacbon	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014(**)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	-
	Cyclohexan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	1.300
	Cyclohexen	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	1.350
	n-Decan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	-
	n-Dodecan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	-
	n-Heptan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	2.000
	n-Hexan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	450
	Metyl cyclohexan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	2.000
	n-Nonan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	-
	n-Octan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	-
	n-Pentan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	-
	n-Undecan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	-

Ghi chú:

- (**): Sử dụng kết quả thử phụ của Vimcerts 304;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- 110925/05-KT4: Khí thải tại tháp khử mùi lần 4 (máy cá 2) (X: 1205566; Y: 0608280);
- 110925/05-KT5: Khí thải tại tháp khử mùi của máy nghiền tinh #3, #4, #6 (X: 1205461 Y: 0608453);
- 110925/05-KT6: Khí thải tại tháp khử mùi máy tạo hạt gia súc #1, #2, #5 (X: 1205510 Y: 0608453).

- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP EnviLab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP EnviLab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP EnviLab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/01

Số phiếu: 504/09/2025/KQ-110925/05-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 09 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 110925/05-KT7, 110925/05-KT8)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 20:2009/ BTNMT
				110925/05 -KT7	110925/05 -KT8	
1	Anilin	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014(**)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	19
2	Hydrocacbon	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014(**)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	-
	Cyclohexan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	1.300
	Cyclohexen	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	1.350
	n-Decan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	-
	n-Dodecan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	-
	n-Heptan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	2.000
	n-Hexan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	450
	Metyl cyclohexan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	2.000
	n-Nonan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	-
	n-Octan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	-
	n-Pentan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	-
	n-Undecan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	-

Ghi chú:

- (**): Sử dụng kết quả thử phụ của Vimcerts 304;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- 110925/05-KT7: Khí thải tại tháp khử mùi máy nghiền trộn thủy sản + máy nghiền trộn gia súc + hút bụi nhập liệu + hút bụi nghiền thô (X:1205474 Y:0608446);
- 110925/05-KT8: Khí thải tại tháp khử mùi máy nghiền tinh #1, #2, #5 (X:1205474 Y:0608440).

- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP EnviLab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP EnviLab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP EnviLab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/01

Số phiếu: 504/09/2025/KQ-110925/05-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 09 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 110925/05-KT9, 110925/05-KT10, 110925/05-KT11)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ			QCVN 20:2009/ BTNMT
				110925/05 -KT9	110925/05 -KT10	110925/05 -KT11	
1	Acrolein	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014(**)	KPH (MDL=0,007)	KPH (MDL=0,007)	KPH (MDL=0,007)	2,5

Ghi chú:

- (**): Sử dụng kết quả thử phụ của Vimcerts 304;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- 110925/05-KT9: Khí thải tại ống thoát khí chảo nấu dầu gia vị 1 (X: 1205271; Y: 0608530);
- 110925/05-KT10: Khí thải tại ống thoát khí chảo nấu dầu gia vị 2 (X: 1205270; Y: 0608534);
- 110925/05-KT11: Khí thải tại ống thoát khí chảo chiên mì 1 (X: 1205318; Y: 0608418).

- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP EnviLab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP EnviLab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP EnviLab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/01

Số phiếu: 504/09/2025/KQ-110925/05-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 09 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 110925/05-KT12, 110925/05-KT13)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 20:2009/ BTNMT
				110925/05 -KT2	110925/05 -KT13	
1	Acrolein	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014(**)	KPH (MDL=0,007)	KPH (MDL=0,007)	2,5

Ghi chú:

- (**): Sử dụng kết quả thử phụ của Vimcerts 304;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- 110925/05-KT12: Khí thải tại ống thoát khí chảo chiên mì 2 (X: 1205318; Y: 0608426);
- 110925/05-KT13: Khí thải tại ống thoát khí chảo chiên mì 3.

- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/01

Số phiếu: 539/10/2025/KQ-150925/05

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 10 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN
2. Đơn vị được quan trắc : CÔNG TY TNHH UNI PRESIDENT VIỆT NAM
3. Địa chỉ lấy mẫu : Số 16-18-20, Đường ĐT 743, KCN Sóng Thần 2, P. Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
4. Ngày lấy mẫu : 15/09/2025
5. Ngày trả kết quả : 06/10/2025
6. Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã mẫu	Vị trí lấy mẫu, tọa độ	Loại mẫu
1	150925/05-KT	Khí thải tại tháp khử mùi của máy nghiền tinh #3,#4,#6 (X: 1205477; Y: 0608255)	Khí thải

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM



ThS. LÊ ĐỨC HÒA

TU. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



ThS. LƯƠNG THỊ BÍCH PHƯƠNG



1. Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
2. Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả.
Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
4. Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/01

Số phiếu: 539/10/2025/KQ-150925/05-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 10 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 150925/05-KT)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 20:2009/ BTNMT
1	CH ₃ SH	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014(**)	KPH (MDL=0,03)	15

Ghi chú:

- (**): Sử dụng kết quả thử phụ của Vimcerts 066;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- 150925/05-KT: Khí thải tại tháp khử mùi của máy nghiền tinh #3, #4, #6 (X: 1205477; Y: 0608255).



- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/01



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. An Hội Tây, TP. HCM
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2521736

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH UNI PRESIDENT

Địa chỉ: Số 16-18-20, Đường ĐT 743, KCN Sóng Thần 2, P. Dĩ An, Thành Phố Hồ Chí Minh

2. Phân loại mẫu : Khí thải tại nguồn

3. Ngày lấy mẫu : 03/10/2025

4. Ngày trả kết quả : 13/10/2025

Điểm đo	Chỉ tiêu	Lưu lượng Nm ³ /h	Nhiệt độ °C	Bụi mg/Nm ³	H ₂ S mg/Nm ³
E1: Bên trong ống thải sau HTXLKT lò hơi		50519	63,6	48	KPH (LOD=0,5)
Phương pháp đo, xác định		US EPA Method 2	HD 92 -ĐO	US EPA Method 5	JIS K 0108:2010
QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B		-	-	200	7,5

Điểm đo	Chỉ tiêu	SO ₂ mg/Nm ³	NO _x mg/Nm ³	CO mg/Nm ³	
E1: Bên trong ống thải sau HTXLKT lò hơi		0	90	583	
Phương pháp đo, xác định		HD NB - 05			
QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B		500	850	1000	

KT. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú:

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- Giá trị tiêu chuẩn trên chưa tính đến hệ số K
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ